

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4, Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

112
CÔNG
NHIỆ
LO
T
DA

Số: 153 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1688/KTV

90 - C.T.
TY
HỮU HẠN
TE
NAM
TP. HÀ NỘI

Đ
C
ÚK
AI
VI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
	100		983.412.873.845	1.608.348.376.214
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100			
I. Tiền	110	5	27.912.518.627	18.884.085.734
1. Tiền	111		27.912.518.627	18.884.085.734
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.529.740.142	249.219.813.938
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.485.554.860	286.780.427.575
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.955.814.718)	(37.560.613.637)
III. Các khoản phải thu	130		938.462.374.798	1.328.605.451.529
1. Phải thu khách hàng	131		476.719.943	235.142.235
2. Trả trước cho người bán	132		-	253.500.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	30.868.348.950	220.290.706.211
4. Các khoản phải thu khác	138	8	910.887.671.304	1.114.621.628.191
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.770.365.399)	(6.795.525.108)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.508.240.278	11.639.025.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		373.710.453	649.549.456
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	8.104.918.325	10.957.328.300
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		29.611.500	32.147.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		10.949.508.937	13.155.112.893
I. Tài sản cố định	220		5.644.930.203	6.774.855.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.376.499.042	5.265.623.092
<i>Nguyên giá</i>	222		11.058.278.244	10.236.747.193
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.681.779.202)	(4.971.124.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.268.431.161	1.509.232.830
<i>Nguyên giá</i>	228		3.935.321.000	3.235.321.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.666.889.839)	(1.726.088.170)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.304.578.734	6.380.256.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.783.143.197	4.157.305.392
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.210.140.429	1.911.656.471
3. Tài sản dài hạn khác	268		311.295.108	311.295.108
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		994.362.382.782	1.621.503.489.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		668.244.670.549	1.317.534.410.582
I. Nợ ngắn hạn	310		668.244.670.549	1.317.534.410.582
1. Phải trả người bán	312		161.989.670	442.420.042
2. Người mua trả tiền trước	313		725.536.588	165.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	540.110.637	158.785.577
4. Phải trả người lao động	315		1.974.188.984	631.584.144
5. Chi phí phải trả	316	13	584.959.804	298.929.961
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	663.927.526.429	1.314.753.399.451
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		214.484.625	192.107.945
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	279.241.650
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		115.873.812	612.941.812
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	15	326.117.712.233	303.969.078.525
I. Vốn chủ sở hữu	410		326.117.712.233	303.969.078.525
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.858.850.080	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.994.519.868	1.994.519.868
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.264.342.285	115.708.577
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		994.362.382.782	1.621.503.489.107



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
1. Chứng khoán lưu ký	006	4.811.662.460.000	3.512.979.390.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.643.890.100.000	3.465.086.350.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	8.997.290.000	20.197.120.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.634.892.810.000	3.439.607.130.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	5.282.100.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	16.236.660.000	24.155.600.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	7.000.000.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	16.236.660.000	17.155.600.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	1.484.800.000	1.484.800.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.484.800.000	1.484.800.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	44.600.800.000	22.137.700.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	1.327.300.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	44.600.800.000	17.999.400.000
1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	2.811.000.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	105.450.100.000	114.940.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	105.450.100.000	114.940.000



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		167.661.428.612	172.888.174.518
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.746.098.404	6.192.374.372
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		10.534.466.591	7.523.917.477
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		100.092.054.429	46.172.218.149
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.462.624.451	1.598.107.304
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		75.297.642	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		267.506.363	-
Doanh thu khác	01.9	16	47.483.380.732	111.401.557.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.723.611.111	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		162.937.817.501	172.888.174.518
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	127.186.613.026	174.249.386.983
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		35.751.204.475	(1.361.212.465)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.262.502.530	8.248.852.373
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		23.488.701.945	(9.610.064.838)
8. Thu nhập khác	31		1.607.670.164	80.321.007
9. Chi phí khác	32		95.328.426	55.238.307
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.512.341.738	25.082.700
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.001.043.683	(9.584.982.138)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.852.409.975	-
13. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		22.148.633.708	(9.584.982.138)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	738	(319)



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yên
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012		2011	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	25.001.043.683		(9.584.982.138)	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	2.989.808.283		2.947.394.269	
Các khoản dự phòng	03	(25.629.958.628)		6.694.566.283	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.358.445.172)		(21.592.494.673)	
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.997.551.834)		(21.535.516.259)	
Biến động các khoản phải thu	09	446.980.214.634		(126.397.436.659)	
Biến động chứng khoán tự doanh	10	44.717.094.915		56.733.380.265	
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(645.940.262.058)		87.224.756.478	
Biến động chi phí trả trước	12	1.650.001.198		2.814.311.368	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	-		(1.096.788.966)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(795.551.958)		(1.181.198.021)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(166.386.055.103)		(3.438.491.794)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.894.241.581)		(1.207.235.090)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-		54.888.498	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-		(218.577.777.800)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	174.945.861.133		200.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.362.868.444		14.190.587.739	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	175.414.487.996		(5.539.536.653)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.028.432.893		(8.978.028.447)	
Tiền đầu năm	60	18.884.085.734		27.862.114.181	
Tiền cuối năm	70	27.912.518.627		18.884.085.734	



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư tại	
	01/01/2011	01/01/2012	2011	2012	31/12/2011	31/12/2012
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.209.906.300	1.858.850.080	648.943.780	-	1.858.850.080	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.283.241.194	1.994.519.868	711.278.674	-	1.994.519.868	1.994.519.868
4. Lợi nhuận chưa phân phối	11.702.875.601	115.708.577	(9.584.982.138)	(2.002.184.886)	115.708.577	22.264.342.285
	314.196.023.095	303.969.078.525	(8.224.759.684)	(2.002.184.886)	303.969.078.525	326.117.712.233

Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 80 người (31/12/2011: 80).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC tuy nhiên chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khởi bằng cân đối kế toán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu ngắn hạn khác, tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là khoản tiền của công ty chứng khoán và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán. Công ty ghi nhận giảm tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngày T.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác phản ánh khoản ủy thác đầu tư trái phiếu.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn được Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu gốc và lãi của các hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán, các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết đã thực hiện và các hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm phải thu gốc và lãi đối với khoản tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết, dự thu lãi trái phiếu và các khoản phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3-5 năm.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán, trong đó, chủ yếu là doanh thu tư vấn đầu tư từ các hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư, lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

0112
CÔNG
CH NHIỆ
ĐELO
IẾT
ĐA -

S. C
S. C
S. C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	16.885.949	3.399.055
Tiền gửi ngân hàng	7.421.638.416	7.583.223.155
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	20.473.994.262	11.297.463.524
	27.912.518.627	18.884.085.734

00 - G.
TY
HỮU HẠI
TE
AM
P. HA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	13.869.354.860	62.586.449.775
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.616.200.000	5.616.200.000
	23.485.554.860	68.202.649.775
Đầu tư ngắn hạn khác		
Ủy thác đầu tư trái phiếu	-	218.577.777.800
	-	218.577.777.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.955.814.718)	(37.560.613.637)
	8.529.740.142	249.219.813.938

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	913.629	13.869.354.860	2.229.900	(8.955.814.718)	4.915.770.042
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.686.620	9.616.200.000	-	(6.000.000.000)	3.616.200.000
	2.600.249	23.485.554.860	2.229.900	(14.955.814.718)	8.531.970.042

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	2.852.442	62.586.449.775	790.262	(37.560.613.637)	25.026.626.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	561.620	5.616.200.000	-	-	5.616.200.000
	3.414.062	68.202.649.775	790.262	(37.560.613.637)	30.642.826.400

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (đơn vị)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị thị trường (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	226.300	5.604.662.200	(3.681.112.200)	1.923.550.000
Công ty Cổ phần VINAVICO	675.000	8.160.330.000	(5.257.830.000)	2.902.500.000
Cổ phiếu khác (*)	11.521	95.810.059	(16.872.518)	78.937.541
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	1.125.000	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
	2.237.821	19.860.802.259	(14.955.814.718)	4.904.987.541

(*) Các cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán	3.776.954.600	15.252.665.100
Dịch vụ môi giới chứng khoán chưa niêm yết	-	200.611.111.111
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Tài chính AT & M</i>	-	200.611.111.111
Chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (*)	24.145.024.350	3.901.830.000
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.946.370.000	525.100.000
	30.868.348.950	220.290.706.211

(*) Phản ánh khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Theo hợp đồng, Công ty nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng căn cứ vào kết quả khớp lệnh bán chứng khoán của tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty. Ngay khi tiền bán chứng khoán của khách hàng được thanh toán theo kết quả thanh toán bù trừ, Công ty sẽ tự động thu tiền từ tài khoản của khách hàng bao gồm cả gốc ứng trước và lãi chuyển nhượng phát sinh.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán (*)	867.230.929.938	1.095.429.021.802
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương (**)	43.631.916.667	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu	-	15.102.000.000
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Khác	24.824.699	1.717.500
	910.887.671.304	1.114.621.628.191

(*) Phản ánh số dư phải thu từ việc đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua. Công ty sẽ đề nghị đối tác thay mặt cho Công ty mua chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời đặt cọc cho đối tác một khoản tiền tương đương 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số ngày đối tác nắm giữ tiền đặt cọc thực tế. Khi hợp đồng hết thời hạn mà đối tác không tìm được chứng khoán như theo thỏa thuận, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đặt cọc và số tiền lãi tương ứng.

(**) Phản ánh số dư còn phải thu từ nghiệp vụ chuyển nhượng 200 trái phiếu do Công ty TNHH VNT phát hành với mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập một cách thận trọng và phù hợp với các quy định hiện hành.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty nộp thừa tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	8.335.936.442	188.012.000	1.121.028.000	591.770.751	10.236.747.193
Tăng trong năm	415.381.581	-	778.860.000	-	1.194.241.581
Giảm do thanh lý	372.710.530	-	-	-	372.710.530
Tại ngày 31/12/2012	8.378.607.493	188.012.000	1.899.888.000	591.770.751	11.058.278.244
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	4.300.042.894	83.560.896	301.276.284	286.244.027	4.971.124.101
Khấu hao trong năm	1.613.574.118	62.670.672	268.707.056	104.054.768	2.049.006.614
Giảm trong năm	338.351.513	-	-	-	338.351.513
Tại ngày 31/12/2012	5.575.265.499	146.231.568	569.983.340	390.298.795	6.681.779.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	2.803.341.994	41.780.432	1.329.904.660	201.471.956	4.376.499.042
Tại ngày 31/12/2011	4.035.893.548	104.451.104	819.751.716	305.526.724	5.265.623.092

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	3.235.321.000	3.235.321.000
Tăng trong năm	700.000.000	700.000.000
Tại ngày 31/12/2012	3.935.321.000	3.935.321.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	1.726.088.170	1.726.088.170
Khấu hao trong năm	940.801.669	940.801.669
Tại ngày 31/12/2012	2.666.889.839	2.666.889.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2012	1.268.431.161	1.268.431.161
Tại ngày 31/12/2011	1.509.232.830	1.509.232.830

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	32.858.273	8.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	507.252.364	150.785.577
	540.110.637	158.785.577

00
 G T
 M H
 BITI
 NA
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả phí lưu ký, chuyển khoản	198.000.000	140.000.000
Phí hoa hồng giới thiệu sản phẩm	184.359.485	16.938.582
Phải trả phí kiểm toán	91.740.000	117.081.250
Phí thuê kênh	80.860.319	-
Chi phí khác	30.000.000	24.910.129
	584.959.804	298.929.961

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	80.868.063	194.569.290
Bảo hiểm xã hội	28.626.750	-
Phải trả tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán (*)	344.501.583.332	1.288.103.089.900
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (**)	319.259.649.794	11.297.463.524
Phải trả về chuyển nhượng cổ phiếu	-	15.102.000.000
Phải trả, phải nộp khác	56.798.490	56.276.737
	663.927.526.429	1.314.753.399.451

(*) Phản ánh khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác mà Công ty là bên môi giới, giá trị đặt cọc sẽ tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần hay không được thực hiện, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số tiền đặt cọc thực tế.

(**) Phản ánh khoản phải trả nhà đầu tư về khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư được hưởng lãi suất ưu đãi đối với số dư tiền trong tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại Công ty khi số dư này đạt mức tối thiểu trong một khoảng thời gian nhất định trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà đầu tư và Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư phải trả nhà đầu tư được hưởng mức lãi suất ưu đãi là 298.785.555.552 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	1.209.906.300	1.283.241.194	11.702.875.601	314.196.023.095
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(9.584.982.138)	(9.584.982.138)
Trích lập quỹ	-	648.943.780	711.278.674	(1.860.222.454)	(500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(141.962.432)	(141.962.432)
Số dư tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	115.708.577	303.969.078.525
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.148.633.708	22.148.633.708
Số dư tại ngày 31/12/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	22.264.342.285	326.117.712.233



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ đã góp

Theo Giấy phép điều chỉnh số 296/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp tại			
	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	225.000.000.000	75,00%	225.000.000.000	75,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	33.000.000.000	11,00%	33.000.000.000	11,00%
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	30.960.000.000	10,32%	30.960.000.000	10,32%
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	10.340.000.000	3,45%	10.340.000.000	3,45%
Ông Hà Văn Thắm	700.000.000	0,23%	700.000.000	0,23%
Tổng cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

16. DOANH THU KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thu phí theo HĐ môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	39.341.683.459	92.989.356.008
Lãi trái phiếu	3.036.708.334	4.088.888.889
Lãi tiền gửi	2.362.868.444	2.362.809.962
Lãi từ HĐ ủy thác đầu tư	-	11.827.777.777
Phí giao dịch ký quỹ	1.624.949.750	30.719.850
Phí chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	845.537.356	51.045.075
Doanh thu khác	271.633.389	50.959.655
Tổng cộng	47.483.380.732	111.401.557.216

(*) Phản ánh doanh thu lãi từ (i) các Hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết cho khách hàng, trong đó Công ty là bên trung gian (xem thêm Thuyết minh số 06) và (ii) các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua (xem thêm Thuyết minh số 07).

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.442.027.194	2.074.832.460
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.122.121.811	46.753.970.955
Chi phí hoạt động tư vấn	2.074.083.462	1.236.730.626
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	354.511.300	1.500.380.769
Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán (*)	106.217.478.319	106.757.159.319
Chi phí dự phòng	(25.599.931.303)	6.694.566.283
Chi phí khác	9.576.322.243	9.231.746.571
Tổng cộng	127.186.613.026	174.249.386.983

(*) Phản ánh chi phí từ khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là bên môi giới. Giá trị nhận đặt cọc từ đối tác tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán được xác định theo lãi suất cố định trên hợp đồng tính trên số tiền và thời gian đặt cọc thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	25.001.043.683	(9.584.982.138)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(659.894.100)	(3.422.795.041)
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>(659.894.100)</i>	<i>(3.422.795.041)</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.300.000	27.967.494
Lỗi mang sang	(12.979.809.685)	
Lợi nhuận tính thuế	11.409.639.898	(12.979.809.685)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.852.409.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.852.409.975	-

19. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	22.148.633.708	(9.584.982.138)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (đơn vị)	30.000.000	30.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	738	(319)

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH VNT với giá thuê là 7.160 USD/tháng (giá chưa bao gồm VAT, tỷ giá quy đổi: 17.000 VND/USD). Thời hạn thuê là 10 năm.

Ngày 11 tháng 4 năm 2012, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký bản gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH Dịch vụ Ngôi Nhà Xanh với giá thuê trong suốt thời hạn thuê là 504.000 VND/m²/tháng cho 223,13m² diện tích thực. Thời hạn thuê gia hạn là hai năm, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 đến hết ngày 09 tháng 5 năm 2014.

Tổng chi phí thuê nhà đã ghi nhận cho năm 2012 là 1.641.664.000 đồng.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị còn lại	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	27.912.518.627	18.884.085.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	938.462.374.798	1.328.351.951.529
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.529.740.142	249.219.813.938
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	311.295.108
Tổng cộng	975.215.928.675	1.596.767.146.309
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	664.194.505.911	1.315.472.599.798
Chi phí phải trả	584.959.804	298.929.961
Tổng cộng	664.779.465.715	1.315.771.529.759

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc chịu lãi suất từ các hợp đồng đặt mua trái phiếu đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản đặt cọc từ hợp đồng đặt mua trái phiếu chịu lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty đều có tài sản đảm bảo.

1250
NG
HỆM H
OIT
N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.912.518.627	-	27.912.518.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	938.462.374.798	-	938.462.374.798
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.529.740.142	-	8.529.740.142
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	-	311.295.108
Tổng cộng	975.215.928.675	-	975.215.928.675
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	664.194.505.911	-	664.194.505.911
Chi phí phải trả	584.959.804	-	584.959.804
Tổng cộng	664.779.465.715	-	664.779.465.715
Chênh lệch thanh khoản thuần	310.436.462.960	-	310.436.462.960
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.884.085.734	-	18.884.085.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.328.351.951.529	-	1.328.351.951.529
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249.219.813.938	-	249.219.813.938
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	-	311.295.108
Tổng cộng	1.596.767.146.309	-	1.596.767.146.309
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.315.472.599.798	-	1.315.472.599.798
Chi phí phải trả	298.929.961	-	298.929.961
Tổng cộng	1.315.771.529.759	-	1.315.771.529.759
Chênh lệch thanh khoản thuần	280.995.616.550	-	280.995.616.550

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-CTCK

22. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh	2.598.468	27.482.365.500
Cổ phiếu	2.598.468	27.482.365.500
2. Chứng khoán của người đầu tư	133.303.050	1.746.968.076.900
Cổ phiếu	125.747.030	960.292.882.900
Trái phiếu	7.500.000	786.293.000.000
Chứng chỉ quỹ	56.020	382.194.000
Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	135.901.518	1.774.450.442.400

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
- Nhận đặt cọc	494.500.000.000	411.000.000.000
- Doanh thu phí lưu ký	224.662.718	186.576.533
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	693.568.851	191.129.798
- Doanh thu tư vấn	44.000.000	104.531.818
- Doanh thu lãi từ hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn	1.698.772.858	1.873.542.534
- Nhận cổ tức	180.810.000	397.782.000
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	38.331.133.781	19.267.736.110
- Chi phí khác	8.693.987	66.750.067



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2012	2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Doanh thu tư vấn	55.621.212	150.000.000
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	70.417.455	17.753.162
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	46.801.163
- Doanh thu phí lưu ký	45.315.414	18.076.640
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	261.831.818
Công ty TNHH VNT		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	207.600.000
- Doanh thu tư vấn	-	3.617.232.440
- Doanh thu phí lưu ký	46.942.445	167.496.833
- Lãi trái phiếu	13.422.222.200	4.088.888.889
- Chi phí thuế nhà, điện nước	2.024.346.843	1.502.761.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	258.238.491
- Doanh thu tư vấn	-	3.151.531.415
- Doanh thu phí lưu ký	63.716.940	56.997.348
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông		
- Doanh thu phí lưu ký	146.400.000	121.199.999
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt		
- Nhận đặt cọc	683.157.095.000	715.346.150.000
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	-	258.249.062
- Doanh thu tư vấn	50.106.537.076	365.420.090
- Doanh thu phí lưu ký	53.408.121	46.163.267
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	16.371.480.264	41.533.068.616
- Doanh thu từ bán chứng khoán	214.131.278	-
Công ty Cổ phần Bảo Linh		
- Nhận đặt cọc	147.000.000.000	555.902.777.778
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	12.906.770.834	7.819.980.557
- Doanh thu tư vấn	13.384.621.531	471.385.680
- Doanh thu phí lưu ký	56.430.834	46.717.329
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	301.999.992	232.178.440
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	664.999.999	3.676.294.959
- Doanh thu tư vấn	1.335.541.666	596.605.090
- Doanh thu phí lưu ký	103.403.397	47.456.362
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	35.360.000
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	-	264.399.400
- Doanh thu tư vấn	-	12.634.684.420
- Doanh thu phí lưu ký	811.821.877	485.234.247

01125
ÔNG
NHIỆM
ĐẠI
LIÊN
VIỆT
ĐẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2012	2011
	VND	VND
Ông Hồ Vĩnh Hoàng		
- Nhận đặt cọc	-	108.000.000.000
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	22.073.488	30.370.164
- Doanh thu tư vấn	7.337.011.108	174.261.505
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	3.420.000.000	2.361.200.000
- Doanh thu phí lưu ký	-	484.094
Bà Bùi Thị Cẩm Vân		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	46.075.108	23.141.520
- Doanh thu phí lưu ký	4.572.263	10.768.815
- Doanh thu tư vấn	-	2.746.069.380
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.799.030.712	965.200.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	4.460.726	4.859.796
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	3.838.191	3.838.191
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	5.166.667	10.000.000
Công ty TNHH VNT	7.451.356	14.085.167
Công ty Cổ phần Bảo Linh	4.779.661	4.060.142
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	5.396.790	4.650.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	10.960.397	3.507.087
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông	12.400.000	10.533.333
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	68.766.158	46.920.063
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	104.553.312
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	306.343	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bảo Linh	32.321.400.006	563.722.758.335
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	492.413.233.332	367.136.894.634
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	23.055.958.333	21.055.416.668
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	36.570.011.108	109.425.000.000
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	36.851.604.942	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	43.631.916.667	-
Phải trả người bán		
Công ty TNHH VNT	-	15.300.000
Phải trả khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	298.785.555.552	15.146.666.667



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

